

Bản án số: 34/2023/HS-ST
Ngày: 21/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mừng và ông Nguyễn Kim Đình.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Nguyệt Sương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Phước- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên toà hình sự sơ thẩm số: 19/2023/TB-TA ngày 29 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Nguyễn Kim T** (tên gọi khác: **K**), sinh ngày 11/10/1994 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Kim T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1960); có vợ là Nguyễn Thị Mỹ H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

2. **Nguyễn Hữu C**, sinh ngày 02/02/1999 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (sinh năm 1963) và con bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1969); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

3. **Nguyễn Đức N**, sinh ngày 09/3/1998 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1958); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/11/2018, bị Toà án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng về tội “Huỷ hoại tài sản”; chấp hành xong hình phạt từ ngày 23/5/2021, đến nay đã được xoá án tích.

- Ngày 26/3/2021, Ủy ban nhân dân xã A ra Quyết định giáo dục tại xã phường, thị trấn số 109/QĐ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma tuý”; chấp hành xong thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ ngày 27/6/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ.

(Tất cả các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Ông **Võ Ngọc M**, sinh năm 1993; trú tại: thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông **Ngô Thanh H**, sinh năm 1960; trú tại: thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh năm 1990; trú tại: khu N, thị trấn A, huyện , tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Bà **Đặng Thị Thu T**, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: tổ 28, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Bà **Văn Thị A**, sinh năm 1989;

- Bà **Võ Thị Minh T**, sinh năm 1989;

Cùng trú tại: thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 07 năm 2022, Võ Ngọc M gọi điện thoại vay của Lê Nguyễn Kim T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 20%/tháng. Đến khoảng 18 giờ ngày 04/7/2022, tại quán cà phê gần UBND xã Q, theo yêu cầu của T, M đồng ý viết giấy mượn tiền và thế chấp tài sản là giấy đăng ký xe mô tô BKS 92E1-272.49. M giao giấy đăng ký xe cho T và T giao cho M số tiền là 8.000.000 đồng, trong đó đã trừ 2.000.000 đồng tiền lãi tháng 7/2022. Đến đầu tháng 8/2022, M trả cho T số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Trong thời gian đầu tháng 9/2022, T nhiều lần gọi điện thoại cho M yêu cầu trả tiền lãi nhưng M không nghe điện thoại. Do bức tức việc M không trả tiền và không nghe điện thoại nên T nảy sinh ý định đến nhà của M để đòi nợ.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/9/2022, Lê Nguyễn Kim T gọi điện thoại rủ Nguyễn Hữu C cùng đến nhà của M để đòi nợ, trước khi đi T hứa hẹn sẽ chia tiền cho C sau khi lấy được tiền và nói C dắt xe mô tô về trong trường hợp không lấy được tiền. Lúc này, C đang ngồi tại quán cà phê với Nguyễn Đức N nên rủ N đi cùng. C điều khiển xe mô tô BKS 92E1-139.56 chở N đi đến nhà nghỉ L tại khu H, thị trấn A, huyện Đ để gặp T. Trên đường đi, C nói với N về việc cùng T đi đòi nợ và hứa hẹn sẽ chia tiền cho N, N đồng ý đi cùng. Khi đến nhà nghỉ L, N đứng

ngoài xe, C vào trong gặp T. Tại đây, T mang theo 01 cây kiếm bằng kim loại dài 70cm (*lưỡi kiếm bằng kim loại được sơn màu vàng dài 49cm, chuôi kiếm bằng gỗ dài 21cm*) được quấn quanh bằng khăn màu trắng. T để cây kiếm trên xe mô tô BKS 43D1-500.03 rồi điều khiển xe chở C đi đến nhà của M, N điều khiển xe của C chạy theo sau. Khi đến đoạn đường ĐT 609 thuộc thôn H, xã Q, T gặp Ngô Thanh H đang chạy xe ngược chiều. T nhờ H dẫn lên trang trại nhà M để tìm M lấy tiền, H đồng ý. Trên đường đi đến trang trại thì T ghé vào nhà M, T dựng xe ngoài cổng, mang theo cây kiếm chuẩn bị sẵn cùng C và N đi vào nhà, H đứng cách cổng nhà M 08 mét để chờ. Khi vào đến hiên nhà của M, T nói C và N đứng ở hiên nhà, T vào nhà nhìn qua khe cửa sổ thấy có 01 xe mô tô BKS 92E1-477.69 nên dùng chân đạp mạnh vào cửa nhà và mở cửa ra rồi dắt xe mô tô BKS 92E1-477.69 ra đến sân thì gặp chị Văn Thị A và chị của M là Võ Thị Minh Th. Thấy T dắt xe, chị Th hỏi “*Tại sao nhà không có người mà bọn bây mở cửa dắt xe?*”. T liền trả lời “*Mắc nợ tao thì tao dắt, đòi trốn nợ à?*”. Nghe T nói vậy, chị Th đáp lại “*Không lẽ có chính quyền mà bọn bây làm ngang nhiên thế hả, tao đi báo công an*”. Khi nghe chị Th nói sẽ đi báo Công an thì T cầm cây kiếm trên tay đưa về hướng chị Th và chị A với mục đích đe dọa không cho báo Công an và nói “*Tao đéo sợ, đem tiền xuống trả cho tao rồi dắt xe về*”, sau đó T dắt xe ra khỏi nhà. Do xe của M không có chìa khóa nên T ngồi trên xe của M và nhờ C điều khiển xe của T đẩy xe đi, N điều khiển xe của C chạy theo sau. Trên đường đi do xe của M bị lủng lốp nên T nhờ C dắt đến tiệm sửa xe để vá. Sau đó, C điều khiển xe của T, N điều khiển xe của C chạy hai bên xe mô tô của M do T điều khiển để đẩy xe về nhà anh trai của T là Lê Nguyễn Kim Th gửi. Khi đến nhà Th, T gặp vợ của Thành là Đặng Thị Thu Th, T gửi xe mô tô của M tại nhà Th, sau đó điều khiển xe của T về nhà, N và C về sau. Sau khi xảy ra sự việc, Võ Ngọc M có đơn báo cáo đến Công an xã Q, huyện Đ.

Ngày 07/10/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn cam – đen, biển số đăng ký 92E1-477.69, số máy G3D4E817528, số khung 1010JY052092 có giá trị là 22.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKSĐL-HS ngày 11/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội và nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 (02 tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho cả ba bị cáo T, C và N.

- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Kim T từ 30 đến 33 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C từ 24 đến 27 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại Võ Ngọc M; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án các ông (bà) Ngô Thanh H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Hồng N và Đặng Thị Thu Th; những người làm chứng các bà Văn Thị A và Võ Thị Minh Th khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo và sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bị hại Võ Ngọc M để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), người quyền lợi và có nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng N để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1} Về hành vi, căn cứ buộc tội các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N tại phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/9/2022, tại nhà ông Võ Ngọc C thuộc thôn L, xã Q, huyện Đ các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N có hành vi đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn cam – đen, BKS 92E1-477.69 của bị hại Võ Ngọc Tây trị giá 22.000.000 đồng.

Hành vi mà các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N bàn bạc rủ nhau đến nhà ông Võ Ngọc C (thôn L, xã Q, huyện Đ) thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Võ Ngọc M trái pháp luật đã phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo T, C và N là có căn cứ, đúng pháp luật.

{2.2} Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra thì thấy: Do bị hại Võ Ngọc M có vay tiền của bị cáo Lê Nguyễn Kim T, bị cáo T nhiều lần gọi điện thoại

cho M yêu cầu trả tiền lãi nhưng M không nghe điện thoại. Do bức tức việc M không trả tiền và không nghe điện thoại nên bị cáo T nảy sinh ý định đến nhà của M để đòi nợ. Để đòi được nợ của bị hại M, bị cáo T gọi điện thoại rủ bị cáo C cùng đến nhà của bị hại M để đòi nợ, trước khi đi bị cáo T hứa hẹn sẽ chia tiền cho bị cáo C sau khi lấy được tiền và nói bị cáo C dắt xe mô tô về trong trường hợp không lấy được tiền. Sau đó bị cáo C nói với bị cáo N về việc cùng bị cáo T đi đòi nợ và hứa hẹn sẽ chia tiền cho bị cáo N, thì bị cáo N đồng ý đi cùng. Sau đó, các bị cáo T, C và N đến nhà bị hại M cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản chiếc xe mô tô của bị hại trái pháp luật. Hành vi mà các bị cáo thực hiện việc phạm tội cưỡng đoạt tài sản là rất táo tợn, liều lĩnh. Đây là hành vi rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra tâm lý hoang mang bất bình trong đời sống nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó các bị cáo T, C và N phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

{2.3} Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- **Bị cáo Lê Nguyễn Kim T:** Trong vụ án này bị cáo T là người giữ vai trò chủ mưu thực hiện việc phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Bị cáo khởi xướng rủ rê phân công, bàn bạc bị cáo Nguyễn Hữu C lấy tiền nợ cho bị cáo, lấy được thì bị cáo cho tiền, nếu lấy không được thì cùng bị cáo lấy xe của bị hại. Bị cáo dùng chân đạp cửa, cầm kiếm đe dọa và trực tiếp dắt xe bị hại để chiếm đoạt trái pháp luật. Vì vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh nhằm để răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, tài sản phạm tội thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải (là 02 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân có thời gian tham gia lực lượng dân quân nông cốt xã Q, con còn nhỏ, lao động chính trong gia đình là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

- **Các bị cáo Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N:** Các bị cáo C và N đã thực hiện việc phạm tội cưỡng đoạt tài sản cùng với bị cáo Lê Nguyễn Kim T với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo C giữ vai trò giúp sức tích cực hơn bị cáo N, trước khi đi đòi nợ thì bị cáo T hứa hẹn sẽ chia tiền cho bị cáo sau khi lấy được tiền và nói bị cáo dắt xe mô tô về trong trường hợp không lấy được tiền thì bị cáo đồng ý thực hiện việc phạm tội theo sự bàn bạc phân công của bị cáo T. Đối với bị cáo N khi nghe bị cáo C nói về việc cùng bị cáo T đi đòi nợ và hứa hẹn sẽ chia tiền thì bị cáo đồng ý tham gia thực hiện việc phạm tội cùng với các bị cáo T và C. Các bị cáo C và N cùng hỗ trợ về mặt tinh thần cho bị cáo T thực hiện việc phạm tội cưỡng đoạt tài sản của bị hại trái pháp luật. Bị cáo N có nhân thân xấu, ngày 23/11/2018 bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 30 tháng về tội “Huỷ hoại tài sản” đã hấp hành xong hình phạt từ ngày 23/5/2021 (đến nay đã được xoá án tích); ngày 26/3/2021, bị Ủy ban

nhân dân xã A ra Quyết định giáo dục tại xã phường, thị trấn số 109/QĐ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ ngày 27/6/2021. Vì vậy, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt các bị cáo một cách nghiêm minh tương xứng với mức độ thực hiện việc phạm tội của từng bị cáo để răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo C có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tài sản phạm tội thu hồi trả lại cho bị hại, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải (là 02 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bản thân bị cáo C đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo N có bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

{2.4} Về áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự: Các bị cáo T, C và N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 (02 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

{2.5} Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Ngọc M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

{2.6} Về xử lý vật chứng: Đối với 01 cây kiếm bằng kim loại dài 70cm, lưỡi kiếm dài 49 cm, sơn màu vàng, chuôi kiếm bằng gỗ dài 21cm là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu PIAGO, loại xe VESPA, màu sơn trắng, BKS 431-500.03, số máy M669M5052394, số khung 6500EV038610) là phương tiện bị cáo Lê Nguyễn Kim T sử dụng để đi đến nhà ông Võ Ngọc C thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, xác định xe này thuộc sở hữu của bà Lê Nguyễn Kim Tr (*là chị gái của bị cáo T*), hiện bà Tr đang đi xuất khẩu lao động tại Nga và chuyển giao quyền quản lý, sử dụng xe cho bà Nguyễn Thị L (*là mẹ ruột của bị cáo T*). Bà L không biết việc bị cáo T sử dụng xe để phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy trả lại xe cho chủ quản lý hợp pháp bà Lê là phù hợp.

Trong quá trình điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn cam – đen, BKS 92E1-477.69, số máy G3D4E817528, số khung 1010JY052092 (*đã qua sử dụng*) cho bị hại Võ Ngọc M chủ sở hữu là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

{2.7} Về vấn đề liên quan đến vụ án: Bị cáo Lê Nguyễn Kim T có hành vi “*Không đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự*”, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm

hành chính lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội đối với Lê Nguyễn Kim T là phù hợp.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu đen – đỏ, BKS 92E1-139.56 là phương tiện bị cáo Nguyễn Hữu C sử dụng để đi đến nhà ông Võ Ngọc C thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, xác định xe này thuộc sở hữu của Trần Thị Hồng N, bà N không biết việc bị cáo C mượn xe để phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Ngô Thanh H là người đi cùng các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N đến nhà của bị hại Võ Ngọc M. Xét thấy H tuy có đồng ý dẫn các bị cáo đến trang trại của bị hại M, nhưng việc vào nhà của M để cưỡng đoạt tài sản là chủ đích của bị cáo T, H không biết, không tham gia giúp sức, do đó không đề cập xử lý.

Đối với Đặng Thị Thu Th là người đồng ý để bị cáo T gửi xe mô tô BKS 92E1-477.69 tại nhà, bà Th không biết xe mô tô trên do bị cáo T cưỡng đoạt của người khác nên không đề cập xử lý là phù hợp.

{2.8} Về án phí: Các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) cho cả ba bị cáo T, C và N.

+ Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Kim T **30 (Ba mươi)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 02/11/2022.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/11/2022.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N **18 (Mười tám)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23/02/2023.

2. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) cây kiếm bằng kim loại dài 70cm, lưỡi kiếm dài 49 cm, sơn màu vàng, chuôi kiếm bằng gỗ dài 21cm.

(Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

3. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Nguyễn Kim T, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Đức N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các cơ quan tiền tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đại Lộc;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

